

DU-GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOÀN

QUYỂN 7

(Bản Luận 16, 17, 18, 19, 20)

BẢN LUẬN 16

Tư, là tư lự, tức là Biến hành tư, chỉ có Ý thức đồng thời, do tư duy mà sinh Tuệ, gọi là Tư tuệ. Luận này nhân theo chỗ thành các pháp của Tư tuệ, thể thông với năm Uẩn làm Thể của Địa này, văn phân hai đoạn gồm trình bày ba môn và tùy giải thích riêng. Tự tánh thanh tịnh, là thuyết minh Thể của Tư tuệ, lựa riêng với Sinh đặc thiện cho nên gọi là thanh tịnh. “Sở tri của Tư trạch”, là tư duy chọn lựa tất cả chỗ nên biết pháp Tư trạch. “Các pháp”, là tư duy chọn lựa kinh Trường hàng của Phật, và tụng các nghĩa của pháp yếu. “Xa lìa tất cả Bất tư nghì xứ”, là Cảnh trí ký và chứng của các Địa không phải phần của chính mình. “Có thể khéo liễu tri Hắc thuyết và Đại thuyết”, tà thuyết của ngoại đạo và các ác thuyết gọi là Hắc thuyết, chánh thuyết của nội đạo và các thiện thuyết gọi là Đại thuyết. “Người đối với pháp có chút ít phần sinh tin hiểu”, là không phải chỗ hiểu biết phần ít của chính mình, gọi là chút ít phần, nhưng gọi tin hiểu là vì không nên hủy báng. Nếu đối với pháp Sở tri có chút ít phần của chính mình thì phải quán sát.

Đoạn thứ hai, trong Sở tri của Tư trạch, văn phân ba đoạn:

1. Nêu tổng vấn đáp Thể.
2. Biệt lược vấn đáp Thể.
3. Tùy giải thích riêng.

Tùy giải thích riêng phân ba đoạn:

- a. Giải thích Hữu pháp.
- b. Giải thích Vô pháp.
- c. Song biện cả hai.

Hữu pháp có hai phần:

1. Nêu năm môn.
2. Tùy giải thích riêng.

Tự tướng Hữu pháp, văn phân ba đoạn:

1. Nêu trình bày.
2. Giải thích riêng.
3. Kết thành.

Thắng nghĩa tướng hữu, tức là Chân như, Căn bản trí đặc tướng Phi an lập. Tướng trạng tướng hữu, tức là tánh Y tha hiện tại tướng hữu, chỉ có hiện tại thế gian, không phải có trong quá khứ và vị lai. Chỉ có trong hiện tại, phải có đủ bốn nghĩa, mới là tự tướng Hữu pháp. Nói rằng các giả pháp lược có ba loại:

1. Tụ tập giả, như bình, chậu v.v...
2. Tương tục giả, là đối với ba đời mà lập một hữu tình, có nghĩa đến nay không đoạn.
3. Phần vị giả, là bất tương ưng v.v... luận này không phải nói ba loại này, cho nên là Tự tướng hữu.

“Một là tại xứ đó gọi là khả đắc”, là tánh Y tha do Hậu đắc trí chứng. Tuy lià Danh ngôn, nhưng lấy Danh để hiển bày, lập tên là tướng thuận, không phải biết Chân như không thuận với Danh, cho nên gọi là khả đắc. “Lựa riêng với tánh Viên thành thật sự khả đắc”, là lựa riêng với tánh Sở chấp, tuy có Danh đó nhưng không có sự thể. “Danh này đối với sự này không phải không quyết định”, là lựa riêng với Phần vị giả, Danh này chỉ làm đề mục với sự này, cho nên như chỗ thấy xanh vàng v.v... thì Danh ấn định tên gọi cho chỗ thấy kia, không phải như người bệnh nóng mắt thấy xanh vàng, màu vàng lạ kia khi bệnh nóng, tên của nó bất định, vì mê loạn. Nhưng Danh không quyết định cũng như Sân v.v... Danh thường quyết định, không phải như Phần v.v... Sau khi chuyển biến thì liền mất Danh kia, do Danh kia vô thường, vì không quyết định. Danh bất quyết định có hai phần:

1. Bất quyết định Phần vị giả của tâm.
2. Bất quyết định Phần vị giả của cảnh.

- Lại cũng có hai Bất định:

1. Hiển ngược lại với định.
2. Không phải Phần vị giả.

“Danh này đối với sự này tùy chuyển vô ngại”, là Danh của Sắc v.v... hoặc tụ hoặc tán, Danh thường tùy chuyển theo, không phải như bình chậu v.v... đối với xứ tụ tập, mà Danh của nó tùy chuyển theo, đối với xứ ly tán thì Danh liền trở lại, hiển ngược lại danh đối với vô ngại tùy chuyển. “Lựa riêng với tụ tập giả hiện tại tướng Hữu”, là lựa riêng với Tương tục giả, hoặc hiện tại đã sinh làm nhân của vị lai, làm quả

của quá khứ, mới là tự tướng Hữu pháp.

Trong Cộng tướng, văn cũng có ba đoạn: 1. Nêu. 2. Giải thích. 3. Kết. Chung loại cộng tướng, là chung loại của năm Uẩn, tuy Thể mỗi mỗi đều riêng, nhưng nghĩa tích tụ thì đồng, tổng gọi là Uẩn. “Uẩn làm Cộng tướng, Thành sở tác cộng tướng”, là Tư thể của ba nghiệp và sáu Thức tuy khác nhau, nhưng Thiện hữu lậu thì đồng, đều là chiêu cảm Ái quả, gọi là Thành sở tác cộng tướng. Các loại đều như vậy.

- Trong giải thích Giả tướng hữu pháp, văn phân bốn đoạn:

1. Tổng lược nêu vấn đáp.
2. Vấn đáp trình bày tên gọi.
3. Tùy giải thích riêng.
4. Tổng kết thành.

Lấy thử hiển thử, là lấy vật hoàn bị này để hiển vật này. Lấy bỉ hiển bỉ, là lấy vật khác để hiển riêng đối với vật khác. Viễn ly thử và bỉ, là không phải hai loại trên, như cái cửa của cái nhà. Trong lấy thử hiển thử, tánh cứng của Địa, cho đến tánh động của Phong, đều đối với xứ thật tướng mà chuyển. Ánh rực lửa trên ngọn lửa đều đối với xứ giả tướng mà chuyển. Ánh rực lửa, là biệt danh của Giả hoả, ngọn lửa rừng rực gọi là ánh rực lửa. Trong lấy bỉ hiển bỉ, Phật truyền dạy v.v... thì hữu tình là Giả, ẩm thực v.v... là Giả pháp. Trong viễn ly thử và bỉ, cái cửa của cái nhà v.v... nhà thì lớn, cửa thì nhỏ, không phải hoàn bị, lấy thử để hiển tự tánh của thử, cũng không phải ngoài nhà mà riêng có cửa, cũng không phải lấy bỉ để hiển trở lại bỉ, cho nên là đều không phải. Nói mười phần trăm, ba phần mười, là căn cứ theo số này thì không phải quyết định chỉ có như vậy, nói năm phần trăm, một phần mười thì loại của nó đều như vậy. “Chúng cộng thi thiết ngôn luận có sáu loại”, trong đây nêu ra Thức và năm Biến hành, mỗi mỗi đều có tướng trạng riêng, có ý hiển thị Cộng tướng giả pháp không lìa Thật pháp, các pháp này mỗi mỗi cũng đều có riêng Sở thủ tự tướng, là Thật hữu pháp, sáu loại Sở thủ cộng tướng giả pháp, Tự tướng tăng ích có thể khởi Ngôn thuyết. Tự tướng của tướng trạng gọi là Cộng, Thi thiết ngôn luận như bình châu v.v... cho nên Duy Thức nói: “Giả là Tăng ích, không phải thật có tướng, đối với sáu Sở biến, mỗi mỗi đều nương bám vào Tự tướng Thể chân thật của chính mình mà tăng thêm”. Tự tướng trạng Sở thủ của Biệt cảnh v.v... cũng cùng chung có thể lập Giả mà nói, nhưng sáu loại này quyết định là Biến cảnh, không nói các cảnh khác, nhiều người cùng thi thiết chỗ khởi Ngôn luận, phải y theo sáu loại tướng này, không phải nói sáu tướng trạng này quyết định là Giả hữu. Nhưng Duy

Thức nói: “Tác ý có thể hiểu rõ tổng tướng của Sự, và Sở thủ biệt tướng của các Tâm sở khác”. Trong đây là nói thông với hai Cảnh, hoặc đây là chỉ nêu tổng cảnh của Năng thủ, cho nên nói Sở thủ của Tác ý có thể khởi tại Thức, nếu không như thế thì càng trái với Hiền Dượng luận v.v... Nói Tổng thủ cảnh gọi là Tâm, cũng là riêng gọi Tâm sở, nhưng quyển 65 nói: “Một loại giả, hoặc là Hữu pháp, chờ nương vào chỗ khác mà thi thiết tự tướng, gọi là Giả hữu. Như chờ nương vào Uẩn để thi thiết có Ngã, chờ nương vào tướng sự của Sắc v.v... mà giả lập Sắc v.v... chờ Sắc Hương v.v... mà lập nhà cửa v.v... chờ tướng sự của Uẩn mà lập Sinh lão v.v... cho đến chờ các Sắc không chuyển mà giả lập hư không”. Như vậy, Đối Pháp luận nói có hai loại giả:

1. Chờ Tướng cảnh của Danh ngôn.
2. Chờ các Tướng cảnh khác.

- Kinh Đại Phẩm nói có ba giả:

1. Danh giả.
2. Thọ giả.
3. Pháp giả.

Duy Thức cũng nói có ba giả:

1. Tụ tập giả.
2. Tương tục giả.
3. Phần vị giả.

- Thành Thật luận nói có bốn giả:

1. Nhân sinh giả.
2. Tương đãi giả.
3. Tương tục giả.
4. Duyên sinh giả.

- Luận này thì quyển 100 nói có sáu giả:

1. Tụ tập giả.
2. Nhân giả.
3. Quả giả.
4. Sở hành giả.
5. Phần vị giả.
6. Quán đãi giả.

Trong đây cùng với Hiền Dượng luận quyển 18, lại nói có sáu giả, đều như Đối Pháp quyển 2 số giải.

Trong Lưu chuyển nhân, “do Chủng tử này”, là Nghiệp chủng. “Do đây huân tập”, là Danh ngôn chủng. “Do Trợ bạn này”, là do Vô minh, Ái, Thủ. “Bỉ pháp Lưu chuyển”, là Sinh lão tử dấy khởi.

Trong Nhân hoàn diệt, “các Hành hoàn diệt”, là Hành diệt Diệt giới của ba tánh Hữu lậu. “Tập nhiễm hoàn diệt”, là Kiến đạo và Tu đạo phiền não đoạn Đoạn giới. “Chỗ có tất cả Năng tịch tĩnh đạo”, là hai Hoàn diệt trước của Năng tịch tĩnh, là các Vô lậu đạo. Vô lậu đạo này có thể bát Niết-bàn, có thể tiến thú Bồ-đề và các Tư lương kia, tức là Tư lương đạo. Gồm các phương tiện của nó, tức là Gia hạnh đạo. Năng sinh, là các Đạo kia có thể sinh Chứng tử. Năng biện, là có thể phân rõ Niết-bàn hiện hành Vô lậu đạo. Cho nên Đối Pháp quyển 9 ghi: “Hoặc Tư lương đạo, hoặc Gia hạnh đạo, Kiến đạo, Tu đạo và Vô học đạo, đều gọi là Đạo đế”. Đây là nói Hoàn nhân chỉ nhiếp bốn loại trước. Lại giải thích, Tư lương Phương tiện trong đây, đều là Vô lậu đạo, là Vô gián đạo, là Viễn gia hạnh và Cận gia hạnh ở trước, không đồng với Đối Pháp luận. Năng Tịch tĩnh đạo trước, là Vô gián đạo. “Nếu rộng phân biệt như trong nhân quả của Tư thì phải biết tướng của nó”, là Quyết trạch Tư tuệ địa. Nói “Nhân quả nghĩ bàn”, như Hữu tâm tứ địa đã nói, đây là chỉ cho Bản Địa phần ở trước và Quyết Trạch phần. Hữu tâm tứ địa chính là thuyết minh nhân quả nhiễm tịnh.

“Trong Sở quán vô pháp, do các chỗ tướng khác hoặc là tánh Viễn ly”, đây là tánh viễn. “Hoặc không phải Hữu tánh”, là Tương vi. “Tánh chẳng hoà hợp”, là hai thứ viễn ly Xứ và Thời. “Hoặc tánh Viễn ly”, trong cõi người không có tánh này. “Hoặc không phải Hữu tánh”, là trong cõi người, tánh Nhân uẩn này không có tánh Nhân uẩn kia. “Tánh chẳng hoà hợp”, là trong cõi người này, ba tánh các pháp Lậu, Vô lậu không phải một sát-na hoà hợp. “Thắng nghĩa vô”, là chỗ nói về tự tánh trong ngôn ngữ của thế tục, vì y theo Thắng nghĩa đế thì đều là chẳng phải Hữu.

Trong ba Hợp, giải thích năm loại tánh Hữu vô, phân hai đoạn:

1. Tổng nêu.
2. Giải thích riêng.

“Giải thích thứ tư là không có hai tướng v.v...”, là các tướng Sinh lão v.v... gọi là tướng Sai biệt, cùng với pháp Sở y không riêng Thể, gọi là hai tướng. Tuy Phần vị giả, vì sáu tướng là Hữu. “Tướng sự v.v...” tức là Chúng cộng thi thiết ngôn luận trong sáu loại ngôn luận trước. “Sau khi Như Lai diệt độ, hoặc Hữu hoặc Vô v.v... không thể tuyên thuyết”, là chỗ chấp của các ngoại đạo, giải thoát Thân ngã này gọi là Như Lai, có ba thân riêng biệt, hoặc có hoặc không đều là các việc không thể nói được. Lại nữa, trước y theo Thể vô, bây giờ y theo Thể diệu, cho nên gọi là sâu xa. Năm loại Vô tánh, ngược lại với năm loại Hữu tánh, như

vậy nên biết.

Đoạn lớn thứ ba, tư duy chọn lựa các pháp, văn phân hai đoạn:

1. Nêu.
2. Giải thích.

“Tư duy chọn lựa nghĩa Tố-đát-lãm”, là Tố-đát-lãm tạng, y theo tạng này, các luận thuyết trong mười hai phần giáo, phần nhiều là nhiếp bảy phần, vì trừ Duyên khởi tự tánh. Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Quyển thuộc, bốn loại này là Tỳ-nại-da tạng nhiếp. Lại nữa, trừ Luận nghị ra, còn lại là A-tỳ-đạt-ma tạng nhiếp. Y theo trong bảy phần, trừ ra Đơn Đà-đà, kinh Phúng tụng, còn lại sáu phần giáo, là chỗ tư duy chọn lựa nghĩa của Tố-đát-lãm, Đơn tụng Đà-đà là chỗ tư duy chọn lựa nghĩa của Đà-đà. Nghĩa này có ba loại:

1. Thắng nghĩa Đà-đà, thuyết minh lý Vô ngã.
2. Ý thú Đà-đà, giải thích ý của Đà-đà, như bốn loại ý thú v.v...
3. Thể nghĩa Đà-đà, thuyết minh nghĩa lý Thể tánh trong Đà-đà.

Trong giải thích Thắng nghĩa Đà-đà, văn phân hai đoạn:

1. Nêu kinh tụng.
2. Tùy giải thích riêng.

Trong tụng có bốn mươi bốn bài, phân mười hai đoạn:

1. Có chín tụng, thuyết minh không có Ngã hữu tình và các pháp tác dụng Thể nghĩa.
2. Có hai tụng, thuyết minh tự tánh Vô minh Tham ái của tại gia xuất gia tạp nhiễm.
3. Có năm tụng, thuyết minh Tạp nhiễm phẩm y theo nhân và Thời phân.
4. Có bốn tụng, thuyết minh Tự tướng Cộng tướng và hai Đế quán.
5. Có hai tụng, thuyết minh ba loại ba pháp không có nghĩa hoà hợp.
6. Có một tụng, thuyết minh Đồng tánh tâm sở tương ứng với Phi dị tánh v.v...
7. Có hai tụng, y theo lý hai Đế thuyết minh Nhân pháp hữu vô.
8. Có một tụng, thuyết minh Tác giả, Thọ giả, Nhất dị, Bất khả thuyết.
9. Có năm tụng, giải thích chung các Nghi nạn.
10. Có năm tụng, thuyết minh Tập sinh Khổ đế, giải thoát v.v...
11. Có một tụng, thuyết minh A-lại-da thức, ví như các chi nhánh trong hồ nước.

12. Có bảy tụng sau cùng, hiển thị hiểu rõ giải thoát Biến tri và Phược biến tri.

Phần thứ nhất chín tụng, văn phân ba đoạn:

1. Có năm bài tụng chánh thuyết minh Vô ngã và Tác dụng.
2. Có ba bài rưỡi thuyết minh lại pháp không có Tác dụng.
3. Có nửa bài tụng hiển thị pháp từ duyên sinh, tự nhiên mà diệt.

Trong Trường hàng giải thích, văn phân làm hai đoạn:

1. Nêu giải thích ý tụng.
2. Giải thích riêng từng đoạn.

“Đối trị Biên chấp của Tăng ích”, là chấp có dụng của Ngã, gọi là Tăng ích chấp. Bác bỏ cho rằng Pháp tánh không có, gọi là Tồn giảm chấp. Đây là y theo cảnh giới chung của ba Thừa mà nói, không nói pháp tăng và Chân như giảm.

Trong giải thích riêng từng đoạn, hoặc tùy theo nghĩa từng khoa mà làm thành mười hai đoạn:

Đoạn thứ nhất, “Như vậy nửa bài tụng ngăn trừ biệt nghĩa Sở phân biệt ngã”, là phá Ly uẩn ngã. “Các pháp cũng không có dụng”, là phá ngay Uẩn ngã, vì Ngã dụng của các Uẩn cũng đều không có. “Đây là hiển không nắm lấy vi tế nhiều Ngã thì liền có thể đối trị v.v...”, là nói các Uẩn phần nhiều là pháp vi tế, liền có thể đối trị các chấp chủ thể v.v... không nương vào một thân mà chấp có nhiều thật Ngã vi tế. Thành Duy Thức ghi: “Ngã đáng lẽ như Uẩn, vì không phải Thường và Nhất”.

Đoạn thứ hai, “Nếu Ngã này không có thì làm sao kiến lập trong ngoài, thành tựu v.v...”, tiếp theo dưới đây có sáu câu hỏi “thế nào”, là nương theo câu nói trước mà khởi câu hỏi sau. Câu thứ nhất này có ý hỏi rằng: “Ngã nếu không có, thì làm sao lập trong ngoài”? Câu hỏi thứ hai: “Nếu tất cả đều là Không thì làm sao có được Năng quán thánh giả Sở quán Không cảnh”? Câu hỏi thứ ba: “Năng quán Sở quán đều là Không, thì làm sao có được Thánh phạm sai biệt”? Câu hỏi thứ tư: “Phạm thánh nếu không có, thì làm sao có được Năng giáo, Sở hóa và Bỉ thử sai biệt”? Câu hỏi thứ năm: “Nếu không có Năng giáo và Sở hoá, thì làm sao có được nhiễm là tịnh”? Trong đây câu thứ nhất đáp là pháp giả không phải chân, câu thứ hai đáp nhân và pháp không phải thật, ba câu sau chỉ đáp là Ngã không có. Câu hỏi thứ sáu, đáp là thật dụng của pháp. “Như thứ tự của nó tế chủ tác giả đều là vô sở hữu”, là không có người gánh vác, không có chủ thể. “Không có sai khiến”, là không có Tác giả.

Đoạn thứ ba, “Nhân sở y sai biệt và Thời phân”, theo Đối Pháp luận nói: “Đối với Nhân thời, có Năng dẫn và Sở dẫn. Đối với Quả thời, có Năng sinh và Sở sinh”. Dẫn nhân vị gọi là nhân, Thực biến vị gọi là quả, hai loại này gọi là Thời phân, đây nói Hữu nhân các pháp và Hữu nhân chúng khổ, bảy loại trước đều là Hữu nhân, gọi là Hữu nhân các pháp, hai loại sau là chúng khổ, nhưng Ái, Thủ, Hữu làm Hữu nhân, cho nên gọi là Hữu nhân chúng khổ.

Trong câu tụng “chẳng phải trong chẳng phải ngoài”, đến “có thể sinh tạp nhiễm”, trong đây có ý muốn hiển năm bài tụng thuyết minh Tạp nhiễm phẩm nương vào Thời phân đồng thời. Hai bài tụng đầu, thuyết minh phiền não nghiệp sinh tạp nhiễm; ba bài tụng dưới, thuyết minh y theo quá khứ và hiện tại mà các Hành có thể sinh tạp nhiễm, không y theo vị lai mà sinh tạp nhiễm, ý của bảy câu đầu thuyết minh vị lai không sinh tạp nhiễm, năm câu sau thuyết minh y theo quá khứ và hiện tại mà sinh tạp nhiễm, nói rằng không y theo nội căn và ngoại trần của vị lai mà sinh tạp nhiễm, vì Hành chưa sinh, đối với đời quá khứ và đời hiện tại được sinh Hành, bởi có thời mới có thể đắc, trái lại hiển vị lai không có thời để đắc. Lại nữa, giải thích vị lai tại vị lai thì Sinh nhiễm bất khả đắc, vị lai đến hiện tại thì Sinh nhiễm có khi đắc. “Nếu Hành đã sinh thì do tướng này không có phân biệt”, đây là giải thích văn tụng rằng: “Nếu các Hành đã sinh, do đây cho nên không có đắc”, là nếu trong quá khứ và hiện tại đã sinh Hành, thì khởi quán trước không trụ trong ngoài, khoảng giữa. Không sinh, vì do quán này chưa có phân biệt, không được sinh đối với ba loại Tạp nhiễm. “Vị lai không có tướng cho nên không có phân biệt”, đây là giải thích tụng. Vị lai không có tướng là nói tướng của vị lai đều không có, đều không có phân biệt mà sinh tạp nhiễm. “Như vậy như vậy, thì tướng lai quyết định không thể biết”, đây là tổng kết quyết định vị lai là khó biết, vì không sinh tạp nhiễm. “Nếu không như vậy thì phân biệt khác loại, hoặc Thời có thể đắc”, là nếu không như vậy thì phân biệt vị lai khác loại với quá khứ và hiện tại, hoặc có khi có nghi ngờ vị lai có dẫn sinh các tạp nhiễm có thể được. “Nếu đối với quá khứ liền có thể phân biệt như vậy, như vậy thì đã từng có tướng mạo có thể phân biệt được”, đây là giải thích trong tụng, quá khứ có thể phân biệt, có thể sinh tạp nhiễm. “Không phải chỉ đã từng thay đổi mới có thể phân biệt, cho đến sinh các tạp nhiễm”, đây là giải thích trong tụng, phân biệt đã từng là chỗ thay đổi, không phải đã từng cũng là phân biệt, câu nói này có ý hiển, không phải chỉ có quá khứ đã từng là cảnh bị thay đổi mà có thể phân biệt sinh các tạp

nhĩm. “Các Cảnh hiện tại chưa từng thay đổi”, là chưa từng thay đổi, tuy không rõ ràng nắm lấy tướng mạo của nó, nhưng tùy quá khứ đã từng đặc chủng loại, đây là cảnh mới của hiện tại cũng có thể phân biệt sinh các tạp nhĩm. Đây là văn kết phải biết. “Hành tuy không có khởi đầu, nhưng khởi đầu là khả đắc”, từ không có khởi đầu đến thường tùy theo đuổi mà khởi, cho nên không có khởi đầu luôn luôn mới, mới sinh khởi, do đó khởi đầu không phải không có.

Đoạn thứ tư, có bốn bài tụng: Một bài rưỡi, thuyết minh quán Tự tướng. Nhật Thân là Phật. Kiều-đáp-ma, Hán dịch là Nhật Chích, cho nên gọi Phật là Nhật Thân. Nửa bài tụng kể đó thuyết minh quán Cộng tướng, hai bài tụng sau thuyết minh quán Nhị đế, ba câu đầu là Thắng Nghĩa đế Quán, năm câu sau là Thế tục Đế quán, vì pháp không có thật Dụng, không có thật Si, vì không thật có hữu tình. Không có thật Si nghĩa là ba câu trên, Si không phải Năng si si và Si giả, cũng không có Si giả có thể có cái Si đó, gọi là Thắng nghĩa đế quán. Trong Thế tục đế, ngu si không phải không có, không phải không có người ngu dấy khởi, có thể nói có Si và có Si giả.

Đoạn thứ năm, có hai bài tụng, trong giải thích, nói nghiệp làm Sở tùy, Thức làm Năng tùy, vì quả tùy theo nhân, trong Thắng nghĩa không có. Lại nữa, ba đời, ba nghiệp, nói không hoà hợp nhau, không phải đối với một đời. Lại nữa, một đời ba nghiệp không có thật tương ứng, không phải không có Giả pháp. “Nếu cái kia cùng với cái này tương ứng lẫn nhau, thì như hạnh của phước v.v... không hoà hợp”, lẫn nhau tương ứng thì nói nghĩa hoà hợp, hạnh của phước v.v... ba đời ba nghiệp thì quyết định không có nghĩa tương ứng.

Đoạn thứ sáu, trong giải thích một bài tụng, tâm tương ứng cũng vậy, không có tánh thật tương ứng tùy chuyển, không phải không có Giả pháp. Lại nữa, tương ứng là Đồng tánh, Bất tương ứng là Biệt tánh. Phi đồng tánh, hoặc là Bất tương ứng, Phi dị tánh, hoặc là Phi bất tương ứng. Do đây cho nên biết không có thật tánh tùy chuyển, là giải thích hai câu trên. “Lại nữa, không phải tất cả tâm, hoặc Tương ứng hoặc Bất tương ứng” là giải thích hai câu dưới trong tương ứng. Lại nữa, không phải tất cả quyết định cùng với tất cả tương ứng, nếu lúc này không tương ứng, thì cũng không phải tất cả quyết định không tương ứng. Trong Thắng nghĩa đế không có thật nghĩa tương ứng và bất tương ứng.

Đoạn thứ bảy, có hai bài tụng, nương vào lý của hai Đế, trong thuyết minh Nhân pháp hữu vô, một bài tụng đầu nương vào Thế tục đế, thuyết minh tâm tùy chuyển theo nhân duyên, nửa bài tụng kể nương

vào Thắng nghĩa đế, thuyết minh Ngã thể không có, nửa bài tụng sau thuyết minh nương vào Thế tục đế, có Tác thọ quả. Lưu là tương tự, vì tương tự quả tương tục. Vô đoạn là không tương tự, vì tương tự quả sinh, đây là hiển Đăng lưu quả và ba Hữu khác làm quả.

Đoạn thứ tám, có một bài tụng, thuyết minh tánh của một vật khác của người và vật bất khả đắc, chỉ có nhân quả sai biệt sinh.

Đoạn thứ chín, có năm bài tụng, trong giải thích chung Nghi nạn. “Lại nữa, do Đạo này không có đoạn dứt, bốn câu trong tụng, như thứ tự của nó mà giải thích bốn vấn nạn này”:

1. Vấn nạn rằng, nếu không có Ngã, sau đó có thì đáng lẽ phải đoạn. Câu tụng thứ nhất đáp rằng, do Đạo không đoạn.

2. Có vấn nạn rằng, quả đáng lẽ đồng thời sinh mau chóng. Đáp vấn nạn này rằng, hoà hợp với tác dụng mà chuyển, không phải mau chóng, không phải đồng thời, vì tác dụng hoà hợp.

3. Có vấn nạn rằng, nếu không có thật Ngã, thì đáng lẽ từ tất cả mà tất cả được sinh. Kế đó đáp rằng, từ tự nhân mà sinh, tự nó không có tha nhân, vì có Bất sinh.

4. Có vấn nạn rằng, đã không có Ngã, thì ai nhiếp thọ tác dụng của Sở tác sinh tử v.v... cho nên luận này đáp rằng, “và nhiếp Sở tác, do nhân không đoạn, quả sinh mà lập là Giả”, là có thể nhiếp thọ Sở tác là Thật ngã, cho nên trở thành không có, do đây mà gọi là bốn câu như thứ tự.

“Kinh nói Sắc tướng làm Tâm tư, do đó vấn nạn để hiển thị người khác, mà không thể thấy”, là chỗ chứng tự tướng của Sắc, tánh lia ngôn thuyết, vì Cảnh của Tâm tư không xứng với tự tướng, cho nên gọi là Tâm tư nạn vì để dạy người khác.

Đoạn thứ mười, có năm bài tụng, “trong thuyết minh Tập sinh Khổ, hiển thị Ngã kiến kia do Tập thứ tự mà phát sinh Khổ”, Tham ái chính là tự thể của Tập, tức là Cảnh nội tham gọi là Tham ái duyên, vì hay sinh Khổ, đều gọi là Tập. Ngã kiến và Khổ đều gọi là nhân duyên đang Khổ, Thể của Ngã kiến cũng là Khổ.

Đoạn thứ mười một, có một bài tụng, thuyết minh A-lại-da thức cũng như hồ nước có nhiều nhánh, đây là hiển thị không phải một nghĩa. Như tụng trong kinh Lăng-già nói: “Như biển gặp duyên gió, Cảnh bị gió kích động v.v...”, đây là hiển nghĩa Bất dị, cho nên văn nghĩa kia đây đều không trái nghịch. Lại nữa, luận này căn cứ theo nghĩa Bản và Mạt, luận kia thì căn cứ theo nghĩa Thể và Dụng, hai nghĩa đều thành nghĩa Bất nhất và Bất dị.

Đoạn thứ mười hai, có bảy bài tụng, trong hiển thị hiểu rõ giải thoát Biến tri và Phược biến tri, văn phân hai đoạn:

1. “Lại nữa, pháp hạnh”, đây là tổng giải thích bảy bài tụng, “Hiểu rõ Phược biến tri”.

2. Giải thích riêng bảy bài tụng.

Trong giải thích riêng có hai đoạn: Một bài tụng, thuyết minh hiểu rõ Phược biến tri, sáu bài còn lại thuyết minh câu tụng “Hiểu rõ giải thoát Biến tri, Ý nhiệm ô hằng thời”, Duy Thức nói, câu thứ tư không phải đã từng có, cũng không phải đang có, luận đó y theo bài tụng của các Bộ, vì hiện tại đã đoạn, đối với vị lai cũng không phải quá khứ. Tát-bà-đa v.v... không thừa nhận Tham, Mạn và Kiến tương ứng. Luận này y theo Đại thừa chánh tụng và Đại chúng bộ v.v... mà nói, cũng không phải trước cũng không phải sau, thừa nhận các phiền não đồng thời sinh. Lại nữa, giải thích Ý nhiệm ô, các Bộ không đồng, như Duy Thức quyển 4 số giải, trong sáu bài tụng sau:

Bài tụng thứ nhất thuyết minh Thể của Sở giải thoát.

Hai bài tụng kế hiển thị tánh của giải thoát, nhiệm ô trước không có cho nên gọi là giải thoát, không phải Ý sau đó thanh tịnh mà được tên giải thoát. Ý của Nhị thừa thì nhiệm ô không có, vì Sở tịnh không có, Năng cũng không có, không cần Ý tịnh mới gọi là giải thoát.

Một bài tụng kế, giải thích Hữu dư Niết-bàn.

Một bài tụng kế, hiển thị Vô dư Niết-bàn.

Một bài tụng cuối, thuyết minh không thật có Sở thủ thú, sinh tử và Niết-bàn.

Đoạn lớn thứ hai, trong giải thích Ý thú Đà-đà, văn phân ba đoạn:

1. Nêu người thỉnh hỏi.

2. Nêu Đà-đà.

3. Tùy giải thích riêng.

Trong năm mươi mốt bài tụng, văn phân làm hai đoạn:

1. Bài tụng thứ nhất, Phạm vương thỉnh hỏi.

2. Năm mươi bài tụng, Thế Tôn đáp.

Thỉnh có hai đoạn, nửa bài trên là tán thán, nửa bài dưới là thỉnh hỏi. Thỉnh hỏi có ba phần:

1. Hỏi Học thể.

2. Hỏi Học giáo.

3. Hỏi pháp.

Như thứ tự phối hợp Học và Sở học trong thỉnh tụng, gồm có văn

tu học. Ngay trong năm mươi bài tụng đáp, có hai giải thích:

1. Nếu lấy văn phân đoạn thì quyển này giải thích hai mươi hai bài tụng, tức là hai mươi hai đoạn, quyển sau có hai mươi tám bài tụng giải thích, phân làm mười chín đoạn, đến quyển sau sẽ phối hợp.

2. Năm mươi bài tụng nếu lấy nghĩa và khoa thì phân làm hai đoạn:

a. Có một bài tụng, đáp Học thể và Học số.

b. Còn lại các bài tụng kia thì đáp “phải tu học”.

- Ngay trong đáp “phải tu học”, phân làm mười ba đoạn:

1. Có một bài tụng, học Phương tiện.

2. Có một bài tụng, học Thứ đệ sinh khởi.

3. Có một bài tụng, học Thứ đệ thanh tịnh sai biệt.

4. Một bài tụng, học quả Sở đắc.

5. Có một bài tụng, học Thứ tự nhân duyên Biệt tổng tu tập.

6. Có ba bài tụng, bậc Thông tuệ thứ đệ làm quả nhân đời sau.

7. Có ba bài tụng, thuyết minh học thành bại Cộng và Bất cộng.

8. Có một bài tụng, thuyết minh Chánh học và Tà học.

9. Có một bài tụng, phân tích Tam học đoạn chướng thành mãn.

10. Có một bài tụng, thuyết minh Thọ sai biệt.

11. Có một bài tụng, thuyết minh học thuần và tạp khả đắc.

12. Có hai mươi một bài tụng, thuần thuyết minh Giới học viển ly thanh tịnh.

13. Có mười ba bài tụng, thuần thuyết minh Định học viển ly thanh tịnh.

“Sợ có nhiều chỗ làm mà giải đãi chúng sinh”, vì ưa thích nghe sơ lược, sợ tu học nhiều. Tuy có lục độ vạn hạnh, nhưng chỉ nói Tam học, lấy tên Tam học để nhiếp tất cả hạnh, không phải hiển rõ thuyết, cho nên gọi là mật ý.

“Như vậy sáu chi hiển thị bốn loại Thi-la thanh tịnh”, dưới đây có năm câu, Sơ an trụ tịnh Thi-la, một câu, là tổng, không phải nhập chung bốn loại Tịnh, dưới đây có bốn câu gọi là bốn Tịnh. Nghĩa của sáu chi này, trước tuy có thuyết minh sơ lược, Thanh văn địa có nói rộng.

“Hiển thị Giới học tăng thượng tối sơ cho đến an trụ nhân duyên”, đây là giải thích hai An trụ, hai loại thứ tự làm nhân duyên, nghĩa thứ nhất là Giới biệt giải thoát tăng thượng, có thể an trụ Giới tĩnh lự và Phương tiện định tâm tăng thượng, sau Phương tiện định tâm có thể an trụ Căn bản định tâm và Tăng thượng tu tuệ, gọi đó là Sơ an trụ hai loại nhân duyên. Giới biệt giải thoát dẫn sinh Định giới và Định, Sơ phương

tiện định dẫn sinh Căn bản định và Tu tuệ, tức là Tuệ và Định trung gian này. Chỗ nhiếp đồng thời Giới học tính lự có thể làm Vô lậu định tuệ hai loại An trụ nhân duyên, gọi đó là hai loại An trụ thứ hai. Nói “trung gian”, là ban đầu thì Giới định, sau đó là chỗ sinh Định tuệ, tại nhân trước của Vô lậu định tuệ cho nên gọi là trung gian.

“Hiển thị Tối thượng một loại có thể làm nhân duyên an trụ Niết-bàn”, đây là giải thích một năng thú Niết-bàn, thứ tự làm nghĩa của nhân duyên. Nghĩa của Nhân duyên thông với hai câu trên, cho nên Vô lậu tuệ một loại. Tối thượng trong ba loại, cũng là chỗ sinh Cực quả của hai Nhân duyên gọi là tối thượng.

“Hiển thị tu tập hoặc biệt hoặc tổng tùy chỗ thích ứng của nó”, đây là giải thích nghĩa thuần và tạp mà tu tập nói trên, biệt tu Tam học gọi là thuần, tổng tu Tam học gọi là tạp.

“Sơ nhất bất cộng”, là ban đầu Giới học có thể tu, chỉ có một không mượn Định tuệ cũng được thành.

“Trung bất ly sơ”, là Định học thứ hai, không lìa Giới học mà tu phương tiện được thành.

“Thượng bất ly nhị”, là Tuệ học thứ ba, Học phải có đủ hai loại trước, nếu A-la-hán đã thành mãn Tam học thì vượt qua tất cả loại kia. “Từ đây về sau hiển thị Thọ trì giới tướng” trở xuống, có hai mươi mốt bài tụng, thuyết minh tướng Thanh tịnh của Giới học.

“Xướng linh gia là giết dê v.v...”, là xứ Tây vực có hạng người chuyên hành nghề xướng linh, hễ có người tội, thì người đó dẫn đi khắp nơi, xướng cáo cho mọi người biết, như xướng lên giết dê v.v... phần nhiều tạo ác nghiệp. “Yết-sĩ-na”, là loại lính canh ngục, là người xa lìa Liệt ác tác.

Phi thái trầm, là người lìa Phi xứ ác tác. Phi thái phù, là xa lìa bảy Niệm trụ chánh niệm. Khi Cứu cánh tức là Căn bản. Khi Phương tiện là quyển thuộc.
